

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 28

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C	1	Bình	4,8	3,0	3,7
2	2122050082	Đoàn Đông Cơ	16/06/2004	CCQ2205C	1	Cơ	5,0	2,5	3,5
3	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C	2	Định	7,3	9,0	8,3
4	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C	1	Đông	6,5	7,0	6,8
5	2122050144	Hà Trần Ngọc Giảng	19/01/2004	CCQ2205D	1	Grant	5,0	3,0	3,8
6	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C	1	Hùng	4,3	4,0	4,1
7	2122150061	Phạm Văn Hùng	25/08/2004	CCQ2215C	1	Hùng	5,0	3,5	4,1
8	2120050076	Lê Tiền Khôi	13/08/2002	CCQ2005C	2	Khôi	6,0	8,5	7,5
9	2122150083	Lê Đức Lộc	23/11/2004	CCQ2215D	1	Lộc	5,0	2,5	3,5
10	2122150067	Nguyễn Đức Lộc	23/10/2004	CCQ2215D	1	Lộc	5,0	5,0	5,0
11	2122150089	Trương Công Lý	28/09/2004	CCQ2215D	1	Lý	4,3	9,0	7,1
12	2122150093	Nguyễn Văn Murop	27/08/2004	CCQ2215D	1	Murop	6,8	7,5	7,2
13	2122150072	Trần Trung Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D	1	Nguyên	5,5	2,5	3,7
14	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C	1	Nhân	5,0	5,0	5,0
15	2120050084	Lê Văn Nhất	1/1/2002	CCQ2005C	1	Nhất	5,0	4,5	4,7
16	2120050054	Trương Bình Phước	18/05/2001	CCQ2005B	1	Phước	5,0	6,0	5,6
17	2122050089	Nguyễn Đức Quân	10/5/2004	CCQ2205C	1	Quân	6,3	5,5	5,8
18	2122050113	Thạch Bảo Quốc	3/6/2004	CCQ2205D	1	Quốc	4,5	2,0	3,0
19	2120110097	Huỳnh Văn Thà	26/05/2002	CCQ2005D	1	Thà	5,3	9,0	7,5
20	2122150064	Phan Chí Thiện	21/11/2004	CCQ2215D	1	Thiện	5,0	8,5	7,1
21	2120050128	Nguyễn Hoàng Tiến	11/4/2000	CCQ2005A	1	Tiến	4,5	4,0	4,2
22	2120050065	Huỳnh Minh Tri	8/12/2002	CCQ2005B					
23	2122050078	Lê Minh Tri	7/12/2004	CCQ2205C	1	Tri	4,5	1,0	2,8
24	2122150051	Hồ Đức Trọng	2/7/2004	CCQ2215D	1	Trọng	5,5	5,0	5,2
25	2122050111	Vô Thanh Trung	20/06/2004	CCQ2205D	1	Trung	5,0	2,5	3,5
26	2120050139	Đỗ Quốc Trọng	30/07/2002	CCQ2005D	1	Trọng	5,0	2,5	3,5
27	2122050095	Nguyễn Trung Tứ	24/02/2004	CCQ2205C					
28	2122150056	Phan Văn Vi	6/11/2004	CCQ2215D	1	Vi	5,8	7,0	6,5